

LD VIETSO PÉTRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK6	7:25	19+3	0+0		16+3	0+0	
2		TD2+BK4	7:25	15+7	0+0		12+10	0+0	
3		BK10+P2	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
4		KNT	7:25	19	0		17	0	
5		TD3+BK5+TD2	9:25	18+2+1	0+0+0		13+1+8	0+0+0	CHUYEN 3 TD3- TD2
6		P10+TD5+TTC1	9:25	1+21+0	0+0+0		0+19+0	0+0+0	chuyen 1 TD5- TTC1
7		BK20+P11	9:25	2+19	0+0		0+22	0+0	
8		KNT+P10	9:25	3+15	0+0		0+19	0+0	
9		RP2+BK4+P10	11:25	4+0+18	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
10		P9+BK3	11:25	16+5	0+0		16+6	0+0	
11		TD3+BK10+P2	11:25	7+4+10	0+0+0		2+7+9	0+0+0	CHUYEN 1 BK10-P2

TTBĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P9-6NG, BK4-3NG, BK10-4NG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P9 - BK6	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3002	

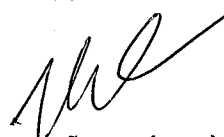
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	P9						68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	VŨ VĂN TOÀN	P9	86	1	3			72	D-HANH	Vietnamese
3	VŨ VĂN TIẾN	P9	84-85	2	17			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	80	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BÀ NẾP	P9	77	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ LĂNG TỬ	P9	76	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VIỆT	P9	90	1	6	4	70	88	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU MINH HÙNG	P9	87	1	3			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MINH	P9	73	1	3			80	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THỊ HẠNG	P9	92	1	3			60	NIPI	Vietnamese
11	PHAN VĂN THỊNH	P9	91	1	5			72	NIPI	Vietnamese
12	HỒ ĐỨC HIẾN	P9	88-89	2	16			55	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN BÀ KỶ	P9						78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	81-82	2	7			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG LUẬN	P9	75	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HIỆN	P9	74	1	10			53	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	83	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ NAM GIANG	P9	79	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	78	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH HOÀNG	BK6	43	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TRỌNG TUẤN	BK6	39-40	2	12			90	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN MẠNH	BK6	41-42	2	21	2	25	60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	19	1.346	20	115	4	70	16		
2	BK6	3	218	5	44	2	25	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.564</b>	<b>25</b>	<b>159</b>	<b>6</b>	<b>95</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.564</b>		<b>159</b>		<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.818 KGS


VSP REP.

  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS.REP.

  
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

  
NGÔ VĂN THẮNG   
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2 - BK4	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3005	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	38	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
2	TRỊNH QUỐC KHANH	TD2	42	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	46-47	2	5			80	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	40	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	39	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	49	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ SĨ MINH TẤN	TD2				3	55	58	KHOAN	Vietnamese
8	TRỊNH DUY THÀNH	TD2	55	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TUẤN	TD2	48	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	44-45	2	5			60	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ TRỌNG HẢI	TD2	52	1	10	2	15	81	YTE	Vietnamese
12	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	41	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUNG CƯỜNG	TD2	43	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VĂN HÙNG	TD2	50-51	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
15	TRỊNH BA ĐÔNG	BK4						61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	BK4						71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG HIỆU	BK4						78	KH-THAC	Vietnamese
18	LŨU VĂN ĐIỆP	BK4	01	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VŨ MẠNH CƯỜNG	BK4	03	1	10	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG ĐẠN	BK4	04	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	02	1	4			70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	14	1.013	16	78	5	70	12		
2	BK4	7	491	4	25	1	20	10		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.504</b>	<b>20</b>	<b>103</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.504</b>		<b>103</b>		<b>90</b>			

GRAND TOTAL: 1.697 KGS

VSP REP.

NGUYEN THỤC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK10 - P2	CREW: HUNG - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3008	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LARIN M. K.	BK10	06	1	2	2	40	99	D-HANH	Russian
2	ĐÀO VĂN ĐỨC	BK10	09	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN MẠNH	BK10						75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHƯƠNG THỊ THANH ĐỨC	BK10						65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MẠNH HÙNG	BK10						76	ANTOAN	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	07	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	08	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ ANH	P2	08	1	6	5	90	70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	09	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH BÁ HOÀNG NAM	P2	04	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
11	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	57	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TUNG	P2	05	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN THỌ	P2	06-07	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH MAU TRUNG KIẾN	P2	401	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HAI	P2	300,53	2	8			108	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG MINH QUẢN	P2	55	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGỌC DŨNG	P2	03	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI HOÀNG TÂM	P2	56	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	P2	63	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THIÊN NAM	P2	58	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG TRI	P2	43,01	2	15			88	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ HUY HÙNG	P2	59	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	7	507	4	22	2	40	6		
2	P2	15	1.138	18	109	5	90	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.645</b>	<b>22</b>	<b>131</b>	<b>7</b>	<b>130</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.645</b>		<b>131</b>		<b>130</b>			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

  
VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

  
LÊ QUÝ HƯNG   
MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO:KNT	CREW: ATUÁN - MẠNH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3011	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN TUẤN	KNT	29-30	2	20	1	13	59	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC THANH	KNT	31	1	10			58	T-TIN	Vietnamese
3	HOANG NHẬT ANH	KNT	32-33	2	17			54	T-TIN	Vietnamese
4	PHẠM HUY ĐÌNH	KNT	25	1	13			62	T-TIN	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC CƯỜNG	KNT	03	1	7			81	GETRACO	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN MƯỜI	KNT	04	1	6			65	GETRACO	Vietnamese
7	LÂM NGUYỄN PHÚC CÔNG	KNT	10	1	4			70	GETRACO	Vietnamese
8	HẠ ĐỨC LƯƠNG	KNT	05	1	9			58	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	KNT	13	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
10	MAKSIMOV D.S	KNT	14	1	12			120	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN HOANG HA	KNT	17	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ THANH LONG	KNT	09	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG KIẾN	KNT	11-12	2	15			94	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG QUỐC BẢO	KNT	18-20	3	11			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BẠC	KNT	28	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TRỌNG HIỆU	KNT	26-27	2	8			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG HIỆU	KNT	06-08	3	19			69	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẬU HUY HOANG	KNT	15-16	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TUẤN ANH	KNT	21-24	4	25			65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	19	1.330	31	207	1	13	17		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.330</b>	<b>31</b>	<b>207</b>	<b>1</b>	<b>13</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.330</b>		<b>207</b>		<b>13</b>			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN  
ĐẶNG NGỌC MẠNH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD3 - BK5 - TD2	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3003	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HOANG NAM	TD3	18	1	4	5	90	76	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH BINH	TD3	08	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	15	1	7			87	KHOAN	Vietnamese
4	LUU QUYẾT THẮNG	TD3	11	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
5	DƯƠNG HOANG LONG	TD3	20-22	3	19			70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VIỆT HÙNG	TD3	29	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC ĐO	TD3	25-26	2	10			71	ANTOAN	Vietnamese
8	LA THANH	TD3	30	1	3			90	YTE	Vietnamese
9	VÔ HUU TAN	TD3	23	1	11			77	DVL	Vietnamese
10	LUƠNG NGỌC KHƯƠNG	TD3	27-28	2	15			75	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ HỮU KẾ	TD3	12-14	3	17			84	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN QUÂN	TD3	16-17	2	18			71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NHẬN	TD3	19	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN ĐỨC	TD3	10	1	9			63	KHOAN	Vietnamese
15	MAI VĂN BÌNH	TD3	09	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THẾ HUY	TD3	33	1	14			75	CODIEN	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TIẾN	TD3	31-32	2	15			56	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG LONG	TD3	24	1	12			65	DVL	Vietnamese
19	ĐO VĂN BẢO	BK5	81	1	10			62	QUYẾT TH	Vietnamese
20	TRỊNH MINH THÈ	BK5	80	1	7	1	5	49	QUYẾT TH	Vietnamese
21	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	59-60	2	10			79	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	18	1.304	26	186	5	90	13		CHUYEN 1 PAX TD3-TD2
2	BK5	2	111	2	17	1	5	1		
3	TD2	1	79	2	10	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.494</b>	<b>30</b>	<b>213</b>	<b>6</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.494</b>		<b>213</b>		<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HUONG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
HÀ XUÂN TRƯỜNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P10 - TD5 - TTC1	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3006	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	IAKIMIDI R.N	P10	25	1	8			110	KHAITHAC	Russian
2	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	52-53	2	12			87	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	26	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ANGA	TD5	50	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ THÈ ANH	TD5	49	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC DANH	TD5	25	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HOANG BAO AN	TD5	27	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HAI	TD5	48	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	28	1	8			83	KHOAN	Vietnamese
10	PODKATILIN A.N	TD5	37	1	9			81	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	47	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	40	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD5	36	1	6			73	ANTOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN LỘC	TD5	41-42	2	16			59	T-TIN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NGŨ	TD5	43-44	2	12			83	T-TIN	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	38-39	2	14			67	YTE	Vietnamese
17	HỒ THANH QUANG	TD5	34-35	2	16			78	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẠO QUANG MINH	TD5	21	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD5	29	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THÔNG	TD5	30-31	2	12			60	SCHLUMBE	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD5	32-33	2	20			62	SCHLUMBE	Vietnamese
22	TRẦN QUANG VIỆT	TD5	45-46	2	10			75	MERMAID	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	1	110	1	8	0	0	1		
2	TD5	21	1.535	29	197	0	0	19	1	CHUYEN 1 PAX TD5-TTC1
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.645</b>	<b>30</b>	<b>205</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.645</b>		<b>205</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG   
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK20 - P11	CREW: HUNG - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3009	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI ĐỨC TRUNG	BK20	67	1	12	3	48	66	DVL	Vietnamese
2	NGO TRI HOANG	BK20	68	1	9			67	DVL	Vietnamese
3	ĐAO THIÊN THUẬT	P11	70	1	4	5	68	60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO VĂN DÂN	P11	79	1	8			68	PSV	Vietnamese
5	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	78	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG CÔNG PHỤNG	P11	66	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG ĐÌNH THUẬN	P11	69	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGỌC HÒA	P11	65	1	7			67	PSV	Vietnamese
9	HUYNH CHÁNH PHÁT	P11	76	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN ĐAM	P11	64	1	6			61	PSV	Vietnamese
11	MÃ ANH TIT	P11	68	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGHIÊM XUÂN VIỆT	P11	81	1	12			68	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC ANH	P11	80	1	5			74	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TÂN	P11	74	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	P11	72-73	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUY	P11	71	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LIÊM	P11	75	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN LONG	P11	82	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CÔNG HUY	P11	77	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN HINH	P11	67	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH TRI	P11	83	1	7			77	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	2	133	2	21	3	48	0		
2	P11	19	1.323	20	158	5	68	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.456</b>	<b>22</b>	<b>179</b>	<b>8</b>	<b>116</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.456</b>		<b>179</b>		<b>116</b>			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO:KNT - P10	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3012	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN HIỆU	KNT	36	1	6	6	80	71	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN CƯỜNG	KNT	37	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ANH	KNT	35	1	11			65	CODIEN	Vietnamese
4	BUI SY LONG	P10	43-44	2	24			79	KHAITHAC	Vietnamese
5	LÊ TRI HẢO	P10						65	KHAITHAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH HẢI	P10	49-50	2	21			75	KHAITHAC	Vietnamese
7	TRẦN HUU DANH	P10	41-42	2	16			89	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THẮNG	P10	36	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	33	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG SY NGUYỄN	P10	37	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	40	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	P10	45	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P10	47-48	2	20			66	KHAITHAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY HÀ	P10	34-35	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH DŨNG	P10	46	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	52-53	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	3	220	3	21	6	80	0		
2	P10	13	985	18	132	0	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.205</b>	<b>21</b>	<b>153</b>	<b>6</b>	<b>80</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.205</b>		<b>153</b>		<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.438 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN  
ĐẶNG NGỌC MẠNH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:RP2 - P10 - BK4	CREW: LINH - HTRUNG - DTUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3004	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU NGOC TU	RP2	02	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DUC SON	RP2	03-04	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VAN TAM	RP2	06	1	11	2	33	64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO MINH HOANG	RP2	05	1	20			74	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN VU KIEN	P10	58	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TIEN PHUONG	P10	63	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
7	VU PHUONG HUONG	P10	56	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO LỆNH ĐẠO	P10	64	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	P10	54	1	10			93	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGOC NAM	P10	73	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUAN	P10	65	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN BAO TOAN	P10	57	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH CONG VAN	P10	55	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
14	VO THANH DANH	P10	59-60	2	12			57	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN MINH TUAN	P10	69	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO PHAM THANH HUY	P10	71-72	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH LIEM	P10	61	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN XUAN LONG	P10	68	1	7			65	PSV	Vietnamese
19	TRAN HOANG HAI	P10	70	1	6			72	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN CAO TRI	P10	66-67	2	11			83	T-TIN	Vietnamese
21	PHAN THANH SON	P10	62	1	7			80	T-TIN	Vietnamese
22	LUONG CONG DAT	P10	74-75	2	10			74	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	4	282	5	53	2	33	0		
2	P10	18	1.328	22	129	0	0	16		
3	BK4	0	0	0	0	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.610</b>	<b>27</b>	<b>182</b>	<b>2</b>	<b>33</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.610</b>		<b>182</b>		<b>33</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P9 - BK3	CREW: DUONG - NPHU - THANH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3007	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN THANH TUNG	P9	01	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH THE NHAN	P9	07	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MINH HIEN	P9	03	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TRONG DUC	P9	97-99	3	17			65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN DAT	P9	96	1	6	2	40	65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH HUY KHIEM	P9	02	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
7	HUA SAY	P9	100	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	08	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO NGÂN LAM	P9	06	1	11			67	MERMAID	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THỨC	P9	05	1	12			65	MERMAID	Vietnamese
11	NGUYEN ANH ĐỨC	P9	04	1	7			62	MERMAID	Vietnamese
12	NGUYEN VAN GIANG	P9	11	1	6			68	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN VIỆT	P9	10	1	3			79	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN HUY LONG	P9	09	1	7			51	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN ĐỨC MẠNH	P9	12	1	11			54	THIEN NAM	Vietnamese
16	KHÔNG VĂN LINH	P9	13	1	9			57	THIEN NAM	Vietnamese
17	VŨ VĂN NAM	BK3	12-13	2	13			60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG VINH	BK3	14	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHUNG CÔNG DU	BK3	06-07	2	14	3	55	71	KH-THAC	Vietnamese
20	CŨ CHI CÔNG	BK3	09-11	3	20			65	XAYLAP	Vietnamese
21	HỒ ĐÌNH LỘC	BK3	08	1	3			79	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	16	1.049	18	122	2	40	16		
2	BK3	5	347	9	53	3	55	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.396</b>	<b>27</b>	<b>175</b>	<b>5</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.396</b>		<b>175</b>		<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO:TD3 - BK10 - P2	CREW: XHOÀN - SON - THỤ	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3010	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MAI HUY TỬ	TD3	44	1	10			60	DVL	Vietnamese
2	TRẦN BA ĐỨC	TD3	41-42	2	16			89	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN VỊNH	TD3	40	1	14			90	DVL	Vietnamese
4	TRƯƠNG MINH KHANH	TD3	43	1	13			71	DVL	Vietnamese
5	LƯU BA XÔ	TD3	45-46	2	12			81	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD3	39	1	6			67	DVL	Vietnamese
7	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	35-36	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUYẾT CHIÊN	BK10	32	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI CAO ĐỊNH	BK10	34	1	8			60	PSV	Vietnamese
10	TRẦN HỒNG THANH	BK10	33	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC MINH	P2	77	1	10			78	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC SƠN	P2	72	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ MẠNH HÙNG	P2	61-62	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ MINH THAO	P2	74-75	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HIỆU	P2	63-64	2	19			86	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HIỀN	P2	65-66	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P2	71	1	12			84	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH DUNG	P2	69-70	2	18	2	21	74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THAI QUÂN	P2	67-68	2	19	4	70	62	XAYLAP	Vietnamese
20	TẠ QUANG PHỤC	P2	76	1	8			105	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	6	458	8	71	0	0	2		
2	BK10	4	274	5	43	0	0	7	1	CHUYEN 1 BK10-P2
3	P2	10	759	16	145	6	91	9		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.491</b>	<b>29</b>	<b>259</b>	<b>6</b>	<b>91</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.491</b>		<b>259</b>		<b>91</b>			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
PHẠM THÁI SƠN